

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Đào.

2. Bà Lý Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 349 ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 106 ấp B, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 14/11/2018, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Ngọc T trình bày: Bà và ông Lê Văn Tr kết hôn vào năm 2011. Đến ngày 17/4/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà Tr tại xã T, huyện M. Thời gian chung sống được 18 tháng, ông Tr không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không có trách nhiệm với vợ con. Đến ngày 10/02/2013 ông Tr bỏ về nhà cha mẹ ruột của ông sinh sống tại ấp B, xã G, huyện M. Nên kể từ tháng 02 năm 2013 vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay. Bà T xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và ông Tr không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Tr.

Về con chung: Bà Phạm Ngọc T và ông Lê Văn Tr có một người con chung tên Lê Ngọc P, sinh ngày 25/7/2012 hiện nay đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được quyền nuôi con. Không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Lê Văn Tr:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn Tr theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Tr không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Tr cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Văn Tr đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Tr vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn Tr.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Ngọc T; Về con chung: Giao cho bà Phạm Ngọc T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Ngọc P, sinh ngày 25/7/2012 đến tuổi trưởng thành; Ông Lê Văn Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Lê Văn Tr đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông Tr vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lê Văn Tr.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Phạm Ngọc T và ông Lê Văn Tr là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà Phạm Ngọc Trúc và ông Lê Văn Tr kết hôn vào năm 2011, đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Ngọc T và ông Lê Văn Tr là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Tr, vì kể từ tháng 02 năm 2013 đến nay bà và ông Tr không còn sống

chung, không còn quan tâm nhau, bà không còn tình cảm với ông Tr, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Phạm Ngọc T và ông Lê Văn Tr không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Ngọc T.

[2] Về con chung: Bà Phạm Ngọc T và ông Lê Văn Tr có một người con tên Lê Ngọc P, sinh ngày 25/7/2012 hiện nay con chung đang sống với bà Tr. Bà Tr yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, kể từ năm 2013 khi cháu P chưa tròn một tuổi thì bà T và ông Tr không còn chung sống với nhau, cháu P do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay cháu đã được 06 tuổi, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu P và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, nên tiếp tục giao cho bà T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho cháu. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho bà Phạm Ngọc T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Ngọc P đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Lê Văn Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Ngọc T là người trực tiếp nuôi con, nhưng bà T cho rằng đủ khả năng để nuôi con, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận ý kiến của bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Phạm Ngọc T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Vấn đề Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc T được quyền ly hôn với ông Lê Văn Tr.

[2] Về con chung: Giao cho bà Phạm Ngọc T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Ngọc P, sinh ngày 25/7/2012 đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Lê Văn Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Ngọc T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005276 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- (Giấy CNKH số 126; quyển số 01/2012, ngày 17/4/2012);
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ